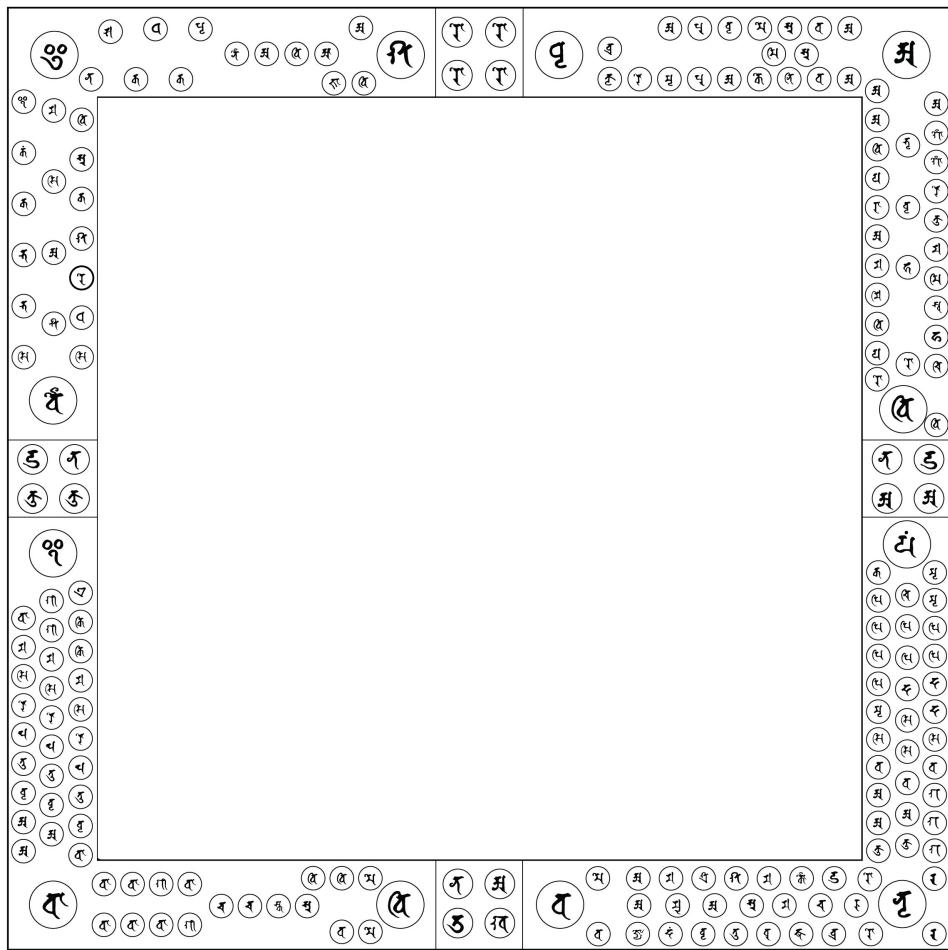


_ Phương Nam có 65 Tôn thuộc nhóm Hỏa Thiên, Diêm Ma Thiên, A Tu La... (dãy bên phải, từ trên xuống dưới).



1_ A Nghê La Tiên (A)

2_ A Nghê La Tiên Hậu (A)

3_ Cù Đàm Tiên (C)

4_ Cù Đàm Tiên Hậu (C)

5_ A Diệt Lý Tiên (A)

6_ Tỳ Lý Cù Tiên (C)

7_ Tỳ Nữu Nữ (C)

8_ Tự Tại Nữ (T)

9_ Dạ Ma Nữ (D)

10_ Hiền Bình Cung (K)

11_ Ma Kiết Cung (A)

12_ Song Ngư Cung (K)

13_ La Hầu Tinh (L)

14_ Mộc Tinh (X)

15_ Hoả Tinh (H)

16_ Tinh Tú (M)

- 17_ Chẩn Tú (𠂇)
- 18_ Kháng Tú (𠂉)
- 19_ Trương Tú (𠂊)
- 20_ Dực Tú (𠂆)
- 21_ Giác Tú (𠂈)
- 22_ Đê Tú (𠂋)
- 23_ Dược Xoa Trì Minh Nữ (𠂔)
- 24_ Dược Xoa Trì Minh (𠂎)
- 25_ Dược Xoa Trì Minh Nữ (𠂔)
- 26_ Tăng Trưởng Thiên (𠂓)
- 27_ Tăng Trưởng Thiên Sứ Giả (𠂓)
- 28_ Nan Đà Long Vương (𠂏)
- 29_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (𠂏)
- 30_ A Tu La (𠂇)
- 31_ A Tu La (𠂇)
- 32_ Diệm Ma Thiên (𠂇 hay 𠂇)
- 33_ Hắc Ám Thiên Nữ (𠂉)
- 34_ Thái Sơn Phủ Quân (𠂈)
- 35_ Quỷ Chúng (𠂇)
- 36_ Đoạt Nhất Thiết Mệnh (𠂇)
- 37_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 38_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 39_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 40_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 41_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 42_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 43_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 44_ Tỳ Xá Già (𠂇)
- 45_ Đồ Cát Ni (𠂉)
- 46_ Đồ Cát Ni (𠂉)
- 47_ Đồ Cát Ni (𠂉)
- 48_ Tử Quỷ (𠂇)
- 49_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𠂇)
- 50_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𠂇)
- 51_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𠂇)
- 52_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𠂇)
- 53_ Ma Ni A Tu La (𠂇)
- 54_ Ma Ni A Tu La Quyến Thuộc (𠂇)
- 55_ Ma Ni A Tu La Quyến Thuộc (𠂇)
- 56_ A Tu La (𠂇)
- 57_ A Tu La Quyến Thuộc (𠂇)

58_ A Tu La Quyến Thuộc (𩵠)

59_ Ca Lâu La Vương (𩶎)

60_ Ca Lâu La (𩶎)

61_ Ca Lâu La (𩶎)

62_ Cưu Bàn Tra (𩶎)

63_ Cưu Bàn Trà (𩶎)

64_ La Sát ĐỒng (𩶎)

65_ La Sát Nữ (𩶎)

1_ A Nghê La Tiên (Añgira_Rṣi):

Añgira_Rṣi lại xứng là Ương Kỳ La Tiên, Ương Yết La Tư Tiên, Ương Kỳ Lạt Tứ Tiên. Dịch ý là Thân Hãn Dịch Tiên.

A Nghê La Tiên là vị Tiên Nhân thuộc Ấn Độ cổ xưa, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajapti. Do chẵng sinh từ bào thai mà sinh ra từ mồ hôi (hãn dịch) nên có tên gọi này.

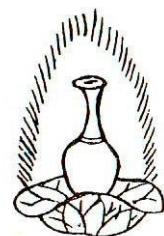
Tôn này là một trong 5 vị quyền thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân. Tay phải cầm xương quai hàm, dựng thẳng trên đầu gối phải. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cái bình. (hình bên trái)

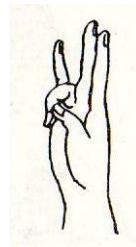


Chữ chủng tử là: A (𩵠)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.



Chân Ngôn là:

ॐ अंगिरा महा रशि॒ स्वाहा॑
OM_ AṄGIRA MAHÀ ṘŚI_ SVÀHÀ

2_ A Nghệ La Tiên Hậu (Aṅgirasī_Ṛṣi):

Aṅgirasī_Ṛṣi là vợ của A Nghệ La Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, tay phải dựng duỗi 5 ngón để ngang ngực, ngón cái vịn lóng thứ hai của ngón trỏ. Tay trái tác Dữ Nguyên Thủ. (hình bên phải)

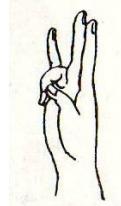


Chữ chủng tử là : A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.



Tướng Ăn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.



Chân Ngôn là:

ॐ अंगिरा महा रशि॒ स्वाहा॑

OM_ AṄGIRA MAHÀ ṚŚIM_ SVÀHÀ

3_ Cù Đàm Tiên (Gautama Ṛṣi):

Gautama Ṛṣi Lại xưng là Cù Đàm Đại Tiên, Cù Đàm Tiên. Là vị Tiên Nhân ở thời đại rất cổ xưa của Ấn Độ, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajapati Tôn này là một trong 5 vị quyền thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Tay phải nắm quyền để ngang ngực, co khuỷu tay phải để trên đầu gối phải. Tay trái cầm cái bình. (hình bên trái)

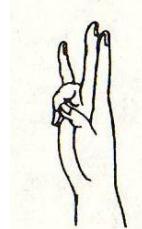


Chữ chủng tử là: GAU (ගාශ්)

Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Án.



Tướng Án là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Án.



Chân Ngôn là:

ওঁ গৌতম মহা র্ষি গর্ঘা স্বাহা

OM_ GAUTAMA MAHÀ ṚŚIM GARGHA_ SVÀHÀ

4_ Cù Đàm Tiên Hậu (Gautamī-Ṛṣi):

Gautamī-Ṛṣi là vợ của Cù Đàm Tiên.

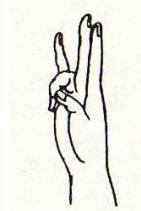
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm cây kích Độc Cổ. (hình bên phải)



Chữ chung tử là: GAU (ଗୁ)
Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Ân.



Tướng Ân là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ân.



Chân Ngôn là:
 ଓ ଗୁତ୍ମ ମହା ର୍ଷିମ ଗର୍ଘା ସ୍ଵାହା
 OM_GAUTAMA MAHÀ R̥SIM GARGHA_ SVÀHÀ

5_A Địệt Lý Tiên (Atreye R̥ṣi)

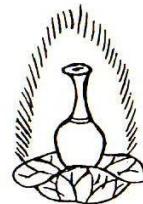
Atreye R̥ṣi là một trong 5 vị quyến thuộc của Hỏa Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Cơ bụng cánh tay phải nắm Liên Hoa Quyền để ngang vai, duỗi thẳng ngón út. Tay trái nắm quyến để ngang eo cầm hoa sen chưa nở.

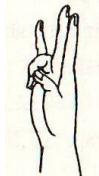


Chữ chửng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình. Hay hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ ଅତ୍ରେୟ ମହା ର୍ଷିମ୍ ସ୍ଵାହା
OM _ ATREYE MAHÀ R̥SIM _ SVÀHÀ

6_ Tỳ Lý Cù Tiên (Bhrgautama Rṣi):

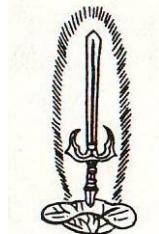
Bhrgautama Rṣi là một trong 5 vị quyền thuộc của Hoả Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Cơ khuỷu tay phải đè lòng bàn tay trên đùi phải. Tay trái nắm quyền để ngang eo cầm lá sen, trên lá sen có chày Tam Cổ.

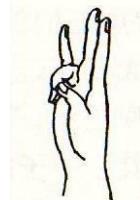


Chữ chủng tử là: BHR (ឃ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.Hay chày Tam Cổ trên lá sen.



Tướng Ấн là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ᦑᦒ ឃរោតមា មាត ធមេត សុវ
OM_BH̄RGAUTAMA MAHĀ Ṣ̄SIM _ SVĀHĀ

7_ Tỳ Nữ Nữ (Viṣṇavī):

Viṣṇavī là một trong 7 vị Mẫu Nữ Thiên, là quyền thuộc của Diêm Ma Vương. Có thuyết cho rằng Tôn này là quyền thuộc của Phạm Thiên

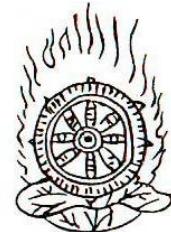
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hình Thiên Nữ. Tay phải nắm quyền để trước rốn (hình bên trái)



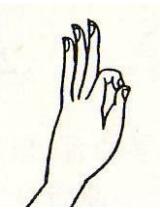
254 毗紐女

Chữ chủng tử là: VI (ឈ), hay MA (ម)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe báu.



Tướng Án là: Nguyệt Diệu Án.



Chân Ngôn là:

ଓঁ বিশ্বালি স্বাহা
OM_VISNAVI_SVÀHÀ

8_ Tự Tại Nữ (Raudrì):

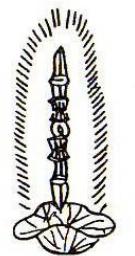
Tôn Hình: (hình chính giữa)



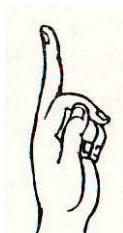
254 毗紐女

Chữ chủng tử là: RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ.



Tướng Án là: Lỗ Đạt La Hậu Án.



Chân Ngôn là:

ଓঁ রাউদ্ৰী স্বাহা
OM_RAUDRÌ_SVÀHÀ

Hay ଶୁଦ୍ଧିମାତ୍ରା ସ୍ଵାହା
OM_UMÀ-DEVI_SVÀHÀ

9_ Dạ Ma Nữ (Yamì):

Yamì tức Dạ Ma Thiên Phi, là một trong 7 vị Mẫu Thiên
Tôn Hinh: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ.
(hình bên phải)



254 齡紐女

Chữ chủng tử là: YA (ယ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuỳ.



Tướng Ấn là: Chuỳ Ấn.



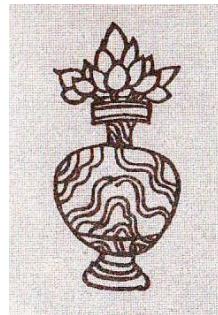
Chân Ngôn là:

ଶୁଦ୍ଧିମାତ୍ରା ସ୍ଵାହା
OM_MÀTRBHYAH_SVÀHÀ

10_ Hiền Bình Cung (Kumbha-vimana):

Kumbha-vimana là một trong 12 Cung. Lại xưng là Hiền Cung, Bảo Bình
Cung hoặc Thủy Khí Thần Chủ, chủ về việc kiên quyết thắng.

Tôn Hinh: Trong cái bình báu có cẩm hoa sen búp nụ

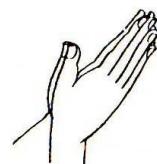


Chữ chủng tử là: KU (គ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତର ସଦ୍ଧାନ୍ତ କୁଞ୍ଚପତ୍ରାୟେ ସବା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ KUMBHA-PATAYE_ SVÀHÀ

11_ Ma Kiệt Cung (Makara-vimana):

Makara-vimana là một trong 12 Cung. Chủ về việc thăng cường.

Tôn Hình: Hình con cá to lớn.

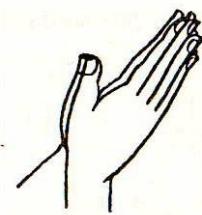


Chữ chủng tử là: MA (ម)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Chư Diệu Án.



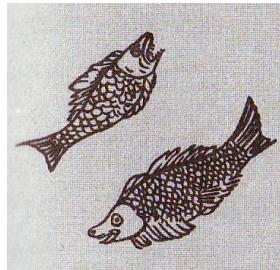
Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ମକରପତ୍ଯେ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ MAKARA-PATAYE_ SVĀHĀ

12_ Song Ngư Cung (Mīna):

Mīna là một trong 12 Cung. Lại xưng là Ngư Cung, Nhị Ngư Cung hoặc Thiên Ngư Thần Chủ. Chủ về việc thăng quan tiến chức.

Tôn Hình: Hai con cá

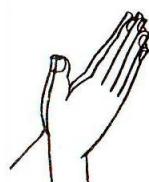


Chữ chủng tử là: MI (ମି)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Chư Diệu Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ମିନାପତ୍ଯେ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ MĪNA-PATAYE_ SVĀHĀ

13_ La Hầu Tinh (Rāhu):

Rāhu là một trong 9 Diệu, tức Hoàng Phan Tinh, lại xưng là Thực Thần. Lúc gắp mặt trời, mặt trăng tức là Thực (mặt trời, mặt trăng bị ăn)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình phẫn nộ, đầu tóc dựng lên trên, hai tay đ Dexterous bên lỗ tai.

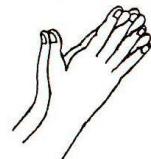


Chữ chủng tử là: RÀ (ರಾ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chuồng, mở dương hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ଓରାହୁନା ଅସୁରା ରାଜୟା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ OM RĀHUNA-ASURA-RĀJĀYA
_ SVĀHĀ

14_ Mộc Diệu (Vṛhaspati):

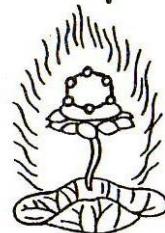
Vṛhaspati là một trong 7 Diệu, một trong 9 Diệu. Lại xưng là Tuế Tinh, Nhiếp Đè.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, ngửa lòng bàn tay phải lên trên co ngón giữa ngón vô danh cùng với ngón cái vịn nhau. Tay trái nắm quyền để ngang eo, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)

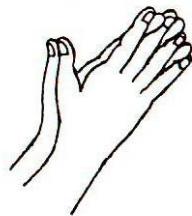


Chữ chủng tử là: VR (ၤ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chuồng, mở dương hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ ວରସପତି ଶ୍ରୀ ସଵାହା

OM _ VRHASPATI'SRI _ SVÀHÀ

15_ Hoả Diệu (Aṅgāraka):

Aṅgāraka là một trong 7 Diệu, một trong 9 Diệu. Lại xưng là Huỳnh Hoặc Tinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kích (hình bên phải)

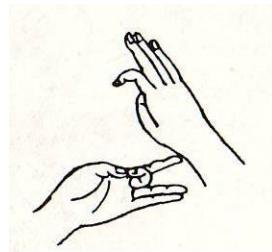


Chữ chủng tử là: A (ၤ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Tướng Án là: Hỏa Thiên Triệu Thỉnh Án.



Chân Ngôn là:

ॐ अंगाराका श्री आरोग्या स्वाहा

OM _ AṄGĀRAKA'SRI-AROGYA _ SVÀHÀ

16_ Tinh Tú (Maghà):

Maghà là một trong 28 Tú.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen , trên sen đế ngôi sao (hình bên trái)

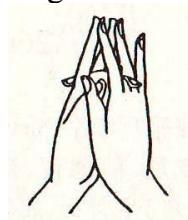


Chữ chủng tử là: MA (ማ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Án là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Án.



Chân Ngôn là:

नमः समान्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजादानिये स्वाहा

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKSATRA NIRJADANIYE_

SVÀHÀ

Hay ॐ मान्त बुद्धानाम् स्वाहा

OM _ MAGHÀ-NAKŞATRA _ SVÀHÀ

17_ Chấn Tú (Hastà):

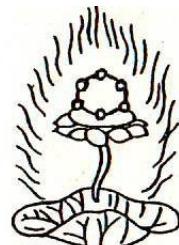
Hastà là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen đế ngôi sao. Tay phải úp lòng bàn tay để ngang ngực (hình ở giữa)

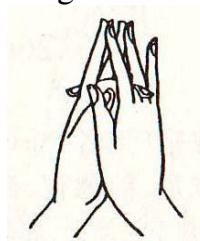


Chữ chủng tử là: HA (ହା)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାଂ ଦେହାନ୍ତର ନିର୍ଜାଦାନ୍ୟେ ଶନ୍ତି

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKŞATRA NIRJADANIYE_
SVÀHÀ

Hay ହାତା ନାକ୍ଷତ୍ର ଶନ୍ତି

OM _ HASTÀ-NAKŞATRA _ SVÀHÀ

18_ Kháng Tú (Svàtì):

Svàtì là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên phải)

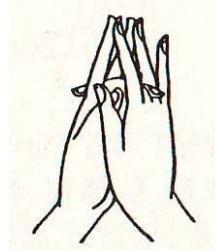


Chữ chủng tử là: SVA (ສວ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Án là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ତ ଦେହନ୍ତୁ ଗନ୍ଧାର ଲକ୍ଷ୍ମୀଦଳାୟା ଶନ୍ତି

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKSATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

Hay ଓତ୍ତି ଶନ୍ତି ଗନ୍ଧାର ଶନ୍ତି

OM _ SVĀTÌ-NAKSATRA _ SVĀHÀ

19_ Trưởng Tú (Pūrva-phalgunì):

Pūrva-phalgunì là một trong 28 Tú. Lại xưng là Tiên Phả Cầu Ni, Tiên Đức Tú, Sơ Phá Cầu, Gian Thác Thiên.

TÚ này có 2 ngôi sao (hoặc nói là 3 ngôi sao, 6 ngôi sao), chủ Thiện Thiên, thuộc Bà Tẩu Thần

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao (hình bên trái)

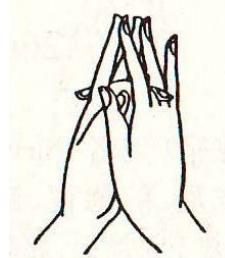


Chữ chủng tử là: MI (ମୀ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନାମାମତ୍ ସମାଂତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ନକ୍ଷତ୍ରା ଶନ୍ତା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

Hay ପୁର୍ବ ଫଳଗୁଣୀ ନକ୍ଷତ୍ରା ଶନ୍ତା

OM _ PŪRVA-PHALGUNI -NAKṢATRA _ SVĀHĀ

20_ Dực Tú (Uttara-phalguni):

Uttara-phalguni là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước rốn cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao. Co dương đầu gối trái (hình bên phải)

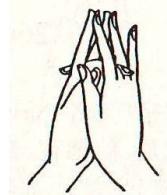


Chữ chủng tử là: PHA (፳)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Án là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାଂତାବୁଦ୍ଧାନାମନକ୍ଷତ୍ରାନିର୍ଜାଦାନିୟେ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

Hay ଉତ୍ତରାଫଳଗୁଣନକ୍ଷତ୍ରାନକ୍ଷତ୍ରାନିର୍ଜାଦାନିୟେ
OM _ UTTARA-PHALGUNI-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

21_ Giác Tú (Citrà):

Citrà dịch âm là Chất Đa La, dịch nghĩa là Thải Sắc cho nên được gọi là Thải Hoạ Tú.

Tôn Hình: Thân màu thịt, dựng lòng bàn tay phải co ngón trỏ ngón giữa ngón vô danh. Quyền trái để trước rốn, hai tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)

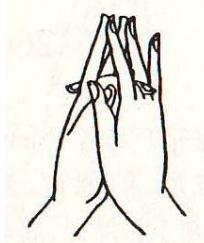


Chữ chủng tử là: CI (፳)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Án là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ଏତ୍ରପିତ୍ର ଶକ୍ତା ଅନ୍ତର୍ଦୟାନ୍ୟ ଶନ୍ତା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

Hay ଓତ୍ତା ଶନ୍ତା ଗନ୍ଧାରୀ ଶନ୍ତା

OM _ CITRÀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

22_ Đê Tú (Vi'sakhà):

Vi'sakhà là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Tay trái để trước vú cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên phải)



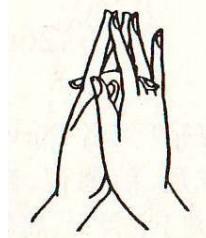
268 角宿

Chữ chủng tử là: VI (၆)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବସମତ୍ତୁ ଏଷ ପଦ୍ମାନବେ ଅକୁ ଦଳାୟୁ ସନ୍ତାତ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_
SVĀHĀ

Hay ଓିସାଖା ନକ୍ଷତ୍ରା ସନ୍ତାତ୍
OM _ VI'SĀKHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

23_ Được Xoa Trì Minh Nữ (Yakṣa-vidya-dharī):

Yakṣa-vidya-dharī là Sứ Giả của Được Xoa Trì Minh (Yakṣa-vidya-dhara)

Tôn Hình: Thân màu thịt, trên lòng bàn tay phải có một cái chày Độc Cổ dựng đứng, quỳ gối ngồi trên toà tròn (hình bên trên)

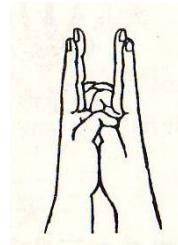


Chữ chủng tử là: RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là:Hai tay Nội Phúc, Ngón cái và ngón út cùng đè nhau, dựng thẳng ngón trỏ ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ବଦୁଷ୍ଟାଯକ୍ଷବିଦ୍ୟାଧରୀ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ YAKṢA-VIDYA-DHARÌ

24_ Được Xoa Trì Minh (Yakṣa-vidya-dhara):

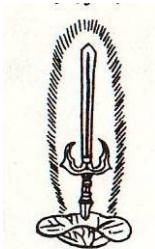
Yakṣa-vidya-dhara là một trong các vị Trì Minh Tiên, là quyền thuộc của Tăng Trưởng Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mao báu, cau mày trọn mắt giận dữ. Tay phải để ngang ngực cầm cây kiếm. Tay trái nắm quyền duỗi ngón cái, ngón út đeo trước eo. Giao ống chân ngồi trên tòa tròn (hình ở giữa)

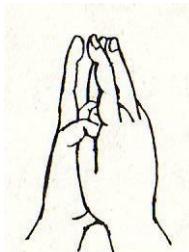


Chữ chủng tử là: YA (ယ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấн là:Hai tay Nội Phúc, dựng thẳng 2 ngón vô danh, hơi co hai ngón trỏ như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଯାକ୍ଷେ ସଵାରାୟା ସବାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ YAKSE'SVARĀYĀ_ SVĀHĀ

25_ Được Xoa Trì Minh Nữ (Yakṣa-vidya-dharī):

Yakṣa-vidya-dharī là Sứ Giả của Được Xoa Trì Minh (Yakṣa-vidya-dhara)

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, đứng hầu bên cạnh
Được Xoa Trì Minh (hình bên dưới)

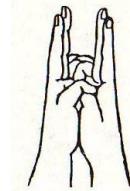


Chữ chủng tử là: RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấm là:Hai tay Nội Phúc, Ngón cái và ngón út cùng đè nhau, dựng thẳng ngón trỏ ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଯକ୍ଷାଵିଦ୍ୟାଧରି

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ YAKṢA-VIDYA-DHARÌ

26_ Tăng Trưởng Thiên (Virūḍhaka):

Virūḍhaka dịch âm là Tỳ Lỗ Đà Ca. Lại xưng là Tỳ Lưu Đa Thiên, Tỳ Lưu Ly Thiên, Ty Lưu Đồ Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Thiên, Tỳ Lâu Lặc Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Xoa Thiên. Là một trong bốn vị Thiên Vương, một trong 20 Thiên, một trong 16 vị Thiện Thần. Lại xưng là Nam Phương Thiên

Tôn này là vị vua thống lãnh hàng Cửu Bàn Trà (Kumbhāṇḍha_ Ung Hình Quỷ) và Bế Lệ Đa (Preta _ Ngạ Quỷ) Ngài cư ngụ tại Thành Thiện Kiến thuộc Lưu Ly Đóa ở phía Nam núi Tu Di.

Do Ngài có Bản Thệ là làm tăng trưởng uy đức của mình và của người cho nên có Đức Phân làm cho vạn vật sinh trưởng và nuôi lớn cẩn lành cho các chúng sinh. Vì thế Ngài có tên là Tăng Trưởng Thiên Vương , vị Thần Thủ Hộ ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, thân khoác giáp trụ, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để cạnh eo (hình phía trái bên trên)

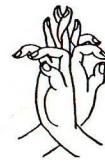


Chữ chủng tử là: VI (၆)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, hoặc cây kích.



Tướng Ân là:Tăng Trưởng Thiên Ân.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଏ ଦୁଃଖା ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ଓ ମହା ଯକ୍ଷ
NAMAH SAMANTA BUDDHANAM_ OM VIRUDHAKA YAKSA
ADHIPATAYE _ SVÀHÀ

27_ Tăng Trưởng Thiên Sứ Giả (Virùḍhaka-dùta):

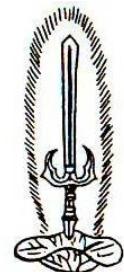
Virùḍhaka-dùta là vị Sứ Giả đứng bên cạnh Tăng Trưởng Thiên Vương.

Tôn Hình: Thân hiện hình Quỷ, tướng phẫn nộ, tóc lửa dựng đứng lên trên, răng nanh bên trên cắn môi. Hai tay cầm cây kiếm, quỳ gối thẳng lưng hướng vào Nội Viện (hình phía dưới bên phải)

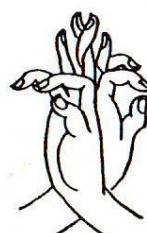


Chữ chủng tử là: VI (၆)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ân là:Tăng Trưởng Thiên Ân.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ତୁ ଏତେ ପଦ୍ମାନାଭାଯୁଧଃ ମହାଦେଵାଯକାରାଶୁରାଗୁ
ରକ୍ତରୋଚମନାରାଗ ଏତେ କୃଦିଷ୍ଟାନାଥାଯୁଧଃ ଅଶ୍ରୀଗାତାଶୁନ୍ତର

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ KARĀYA _
SARVA DEVA NÀGA YAKŚA GANDHARVA ASURA GARUḌA
KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARSĀYA VICITRAGATI
SVĀHĀ

28_ Nan Đà Long Vương (Nanda-nàga-ràja):

Nanda-nàga-ràja lại xưng là Nan Đồ Long Vương, Nan Đầu Long Vương.

Dịch ý là Hỷ Long Vương, Hoan Hỷ Long Vương. Do khéo hay thuận ứng tâm người, điều hoà mưa gió, rất được Thế Gian vui vẻ nên có tên là Hoan Hỷ Long Vương.

Tôn này là một trong 8 vị Long Vương và là bậc thượng thủ trong Hộ Pháp Long Thần.

Tôn Hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 đầu Rồng, Tay phải để trước ngực cầm cây kiếm. Tay trái nắm quyền, hoặc úp lòng bàn tay để ngang eo.

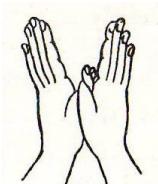


Chữ chủng tử là: NA (ନା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Chư Long Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ତୁ ଏତେ ପଦ୍ମାନାଭାଯୁଧଃ ମହାଦେଵାଯକାରାଶୁରାଗୁ
ରକ୍ତରୋଚମନାରାଗ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NANDA UPANANDĀYE_
SVĀHĀ

hay ཅමྃ ສମତ රଦ୍ଧନ୍ତ ନନ୍ଦ ଯା ସ୍ଵାହା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ NANDÀYA_ SVÀHÀ

29_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (Upananda-nà ga-ràja):

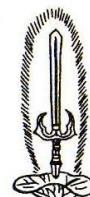
Upananda-nà ga-ràja lại xưng là Bạt Nan Đà Long Vương, là em của Nan Đà Long Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, trên đầu có 7 đầu Rồng.

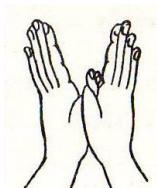


Chữ chủng tử là: U (ុ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Chư Long Ấn.



Chân Ngôn là:

අම්සමත රද්ධන්ත නන්ද ප්‍රයා ස්වාහා

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ NANDA UPANANDÀYE_
SVÀHÀ

hay ཅමྃ ສମତ රଦ୍ଧନ୍ତ ଉପନନ୍ଦ ଯା ସ୍ଵାହା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ UPANANDÀYA_ SVÀHÀ

30_ A Tu La (Asura):

Asura lại xưng là A Tố La, A Tô La, A Tố Lạc, A Tu Luân... Xưng lược là Tu La. Dịch ý là Phi Thiên, Bất Đoan Nghiêm, Phi Đồng Loại.

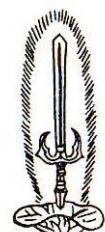
A Tu La là một trong các vị Thần cổ đại của Ấn Độ, là một trong tám Bộ Trời Rồng

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái đeo đai eo, dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi.

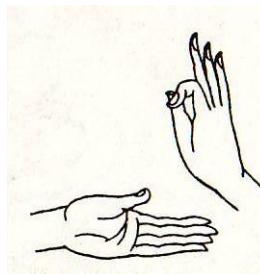


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là:A Tu La Ấn.



Chân Ngôn là:

ឯម្មមន់ទន្ទក្រសុរាណឡយ់ទេទេ គេទេ គេសំនុសសុសន

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ ASURÀ GARALAYAM_ RATAM
RATAM DHVAM TAM PRA - A A PRA _ SVÀHÀ

Hay ឯម្មមន់ទន្ទក្រ ទេទេ គេសំនុសសុសន

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ RATAM RATAM DHVAM TAM
PRA _ SVÀHÀ

31_ A Tu La (Asura):

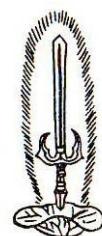
Asura là một trong tám Bộ Trời Rồng

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái đeo đai eo

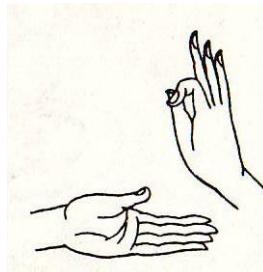


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Án là:A Tu La Án.



Chân Ngôn là:

ឯម្មមាពទន្វនសម្រេរាលើយុទ្ធទីទិនសង្គមសម្រាម
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ ASURÀ GARALAYAM RATAM
RATAM DHVAM TAM PRA - A A PRA _ SVÀHÀ

Hay ឯម្មមាពទន្វនទីទិនសង្គម

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ RATAM RATAM DHVAM TAM
PRA _ SVÀHÀ

32_ Diêm Ma Thiên (Yama):

Theo Ấn Độ Giáo thì Yama là vị Trời Dạ Ma, một vị Thần Quang Minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U Minh làm Chủ Tể của cõi Hắc Ám chuyên phán xét tội ác của người chết nên có tên là Tứ Vương. Ở Địa Ngục thì Yama chuyên cai trị Nam Tội Nhân, còn em gái là Yami chuyên cai trị Nữ tội nhân, nên được gọi là

Song Vương. Hai anh em đều là con của Nhật Thần (Vivasvat) và Thời Gian Thần (Saranyu)

Do Yama chuyên trừng phạt cột trói tội nhân nên có tên là Phộc Vương (Bandha Rāja) . Vì phán quyết và ngăn chặn hạnh ác của những người bị đọa vào Địa Ngục nên có tên là Già Chỉ Vương hoặc Tịnh Tức Vương . Do Yama luôn thẩm vấn và phán xét tội nhân một cách vô tư nên có tên là Bình Đẳng Vương (Samanta Rāja).

Truyền Thuyết cho rằng : Yama nguyên là vị vua của xứ Vệ Xá Li (Vai'sali). Trong một trận chiến tranh đẫm máu, Ngài nguyên làm vua của Địa Ngục và được tái sinh làm Diêm Vương thống lãnh 18 Âm Cung, 8 vị Tướng Quân và 8000 ngục tốt. Ngài cư trú trong cái thành to lớn làm bằng 7 báu, ngang dọc 60 Do Tuần , thọ hưởng sự vui sướng vô thượng. Nhưng mỗi ngày 3 lần, Yama và các Tướng Sĩ phải chịu hình phạt bị đổ đồng sôi vào miệng cho đến khi đền trả hết tội ác. Do Yama nhận chịu cả 2 Quả Báo sướng khổ nên có tên là Song Vương.

Sau này tuy Mật Giáo ghi nhận Ya Ma vào Thiên Bộ là Diêm Ma Thiên (Yama Deva) nhưng Giáo Đồ Phật Giáo vẫn xem Ngài là Thủ Tổ của Thế Giới Quỷ, Tổng Quản của Âm Giới, Thần Chủ của Địa Ngục ở núi Thiết Vi. Thuộc Hạ thân cận của Ngài là Hắc Ám Thiên Nữ, Thái Sơn Phủ Quân và 2 vị Thần chuyên ghi chép việc Thiện Ác có tên chung là Song Đèo.

Yama-rāja là một trong 8 vị Trời Hộ Thế, một trong 20 Thiên, một trong 12 Thiên. Là vua của chúng Quỷ

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây gậy đầu người, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay tác Dữ Nguyên Án. Ngồi trên con trâu trắng , buông rũ bàn chân trái (hình bên trái)

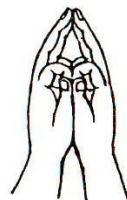


Chữ chủng tử là: VAI (ゑ), hay YAM (ゑ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người.



Tướng Ăn là: Đàn Noa Ăn.



Chân Ngôn là:

ନାମାହ ସାମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ_ ବାଇଵାସ୍ଵତାୟା_ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VAIVASVATĀYA_ SVĀHĀ

33_ Hắc Ám Thiên Nữ (Kāla-rātrī):

Kāla-rātrī lại xưng là Hắc Dạ Thiên, Ám Dạ Thiên, thuộc một trong 7 vị Mẫu Thiên, là hậu phi của Diêm Ma Vương.

Tôn này có Bản Thệ là gia hộ cho chúng sinh tiêu trừ sự sợ hãi, lối lầm, tai vã

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải ngửa lòng bàn tay, tay trái cầm cây gậy, đầu cây gậy là cái vòng, bên trong có hình đầu người. Giao hai ống chân mà ngồi, ngửa nhìn Diêm Ma Vương (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: KA (କା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phuơng. Hay cây gậy, bên trên có cái vòng



Tướng Ấн là:Tay trái nắm quyền, dựng đứng ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଏତ୍ରାଂତ ବୁଦ୍ଧାନାମ କାଳା ରାତ୍ରିୟେ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ KĀLA RĀTRÌYE SVĀHĀ

34_ Thái Sơn Phủ Quân (Citra-gupta):

Citra-gupta dịch âm là Chất Đa La Cấp Đa, dịch ý là Phụng Giáo Quan. Lại xưng là Thái Sơn Phủ Quân, hoặc xưng là Chất Đát La Cấp Đa Tấn Ngục Giả.

Trung Quốc gọi Tôn này là Chủ Ty Thần của Đông Nhạc Thái Sơn thuộc Minh Phủ.

Phật Giáo đem Thái Sơn Phủ Quân phối trí với vị thư ký của Diêm Ma Vương, ghi chép các nghiệp thiện ác của nhân gian, cũng là một trong 10 vị vua của Minh Giới (cõi âm) và xưng là Thái Sơn Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây bút, tay trái cầm cây gậy Đàm Nã , đầu gậy có cái vòng, trong cái vòng hiện mặt người (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: CI (ଚି)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người.



Tướng Ấn là:Lý Hoa Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମାନ ଦୁର୍ଗାଂ ବୁଦ୍ଧାନାମ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ CITRA-GUPTĀYA - SVĀHĀ

35_ Quỷ Chúng (Mrtyu-gaṇa hoặc Mrtyu)

Tôn Hình: Thân hình màu thịt, hiện tướng quỷ đói, quỳ trước mặt Thái Sơn Phủ Quân, tác tư thế khẩn cầu (hình bên trái)

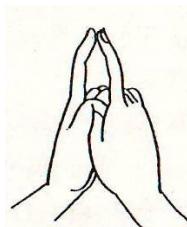


Chữ chủng tử là: MR (ମ୍ର), hay RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ān là: Thuỷ Thiên Ān.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମାନ ଦୁର୍ଗାଂ ମୃତ୍ୟୁଗାନାମ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ MR̄TYUGAÑA_ SVĀHĀ

Hay ନମେ ସମାନ ଦୁର୍ଗାଂ ପିସାଚା ଗତି ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PI'SĀCA GATI _ SVĀHĀ

36_ Đoạt Nhất Thiết Mệnh (Mrtyu):

Mrtyu là một trong các quyền thuộc của Diêm Ma Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái túi da, tay trái cầm hoa (hình bên trái)

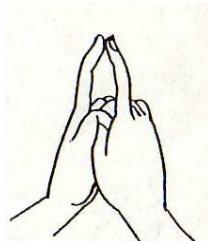


Chữ chủng tử là: MR (묘)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla;cái bát)



Tướng Ăn là: Thuỷ Thiên Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ମୃତ୍ୟୁ ସ୍ଵାହା
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ MRTYU _ SVÀHÀ

Hay ନମାମି ସାମନ୍ତ ପିସାକା ଗତି ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ PI'SÀCA GATI _ SVÀHÀ

37_ Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca lại xưng là Tất Xá Già Quỷ, Tý Xa Giá Quỷ. Dịch ý là Quỷ ăn máu thịt, Quỷ ăn tinh khí con người, Quỷ điên cuồng, Quỷ hút máu.

Pi'sàca nguyên là ma quỷ trong thần thoại cổ xưa của Ấn Độ. Bụng của nó như biển xanh, cổ họng như cây kim... thường cùng với A Tu La, La Sát dắt díu nhau.

Trong Phật Giáo thì quỷ đói tức là loài quỷ này. Quỷ này ăn nuốt tinh khí của con người, ăn máu thịt là loại hơn hết trong hàng quỷ đói

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt. Tay trái cầm vật khí chứa đầu máu (hình ở giữa)

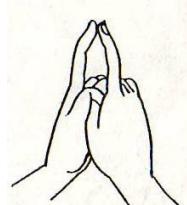


Chữ chủng tử là: PI (၂)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn (Mân Nguyên Dương Trưởng Ăn)



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ଦ୍ଵାନମ ପିଚି ପିଚି ସବାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM_ PICI PICI_ SVÀHÀ

38_ Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca là loài quỷ ăn nuốt tinh khí của con người, là loài hơn hẳn trong hàng quỷ đói

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay trái cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt. Tay phải nâng vật khí chứa đầy máu (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: PI (၂)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn.



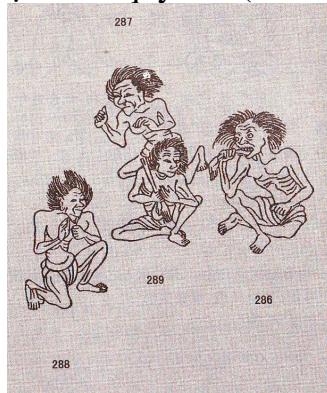
Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ପିଚି ପିଚି ସ୍ଵାହା
NAMAH_ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

39_ Tỳ Xá Già (Pi'sāca):

Pi'sāca là loài quý ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quý đói (hình 286)

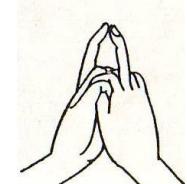


Chữ chủng tử là: PI (ପି)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn



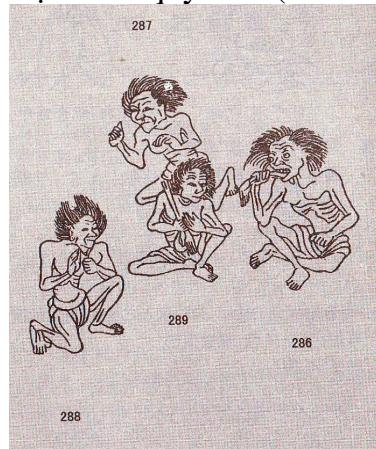
Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ପିଚି ପିଚି ସ୍ଵାହା
NAMAH_ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

40_ Tỳ Xá Gia (Pi'sàca):

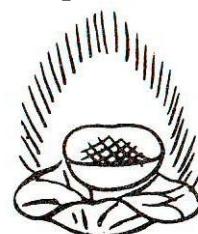
Pi'sàca là loài quý ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quý đói (hình 287)

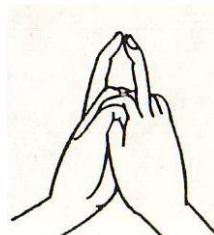


Chữ chủng tử là: PI (၂၅)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tương Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn



Chân Ngôn là:

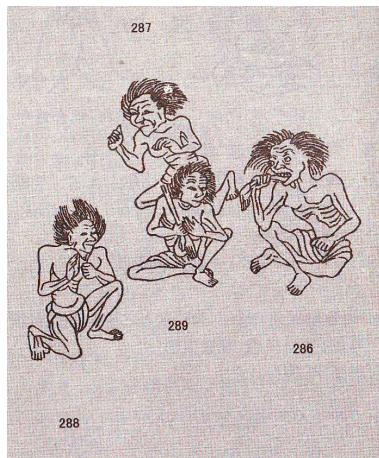
ନମଃସମତ ଦର୍ଶକ ପରିପାତ ସମାଧା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ PICI PICI_ SVÀHÀ

41_ Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca là loài quý ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quý đói (hình 288)

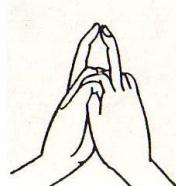


Chữ chủng tử là: PI (၂၅)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn



Chân Ngôn là:

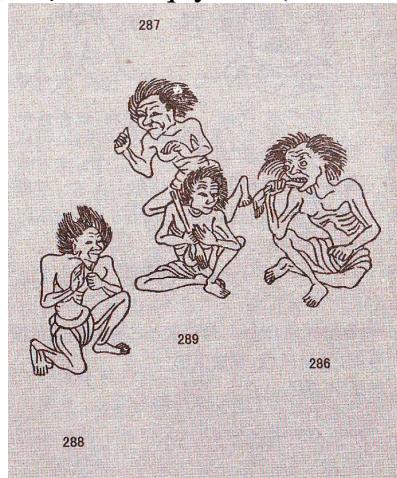
ନମାମ୍ ସାମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

42_Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca là loài quý ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiên hình quý đói (hình 289)

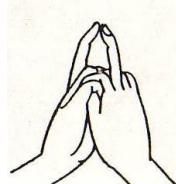


Chữ chủng tử là: PI (၂၅)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là:Tỳ Xá Già Ăn



Chân Ngôn là:

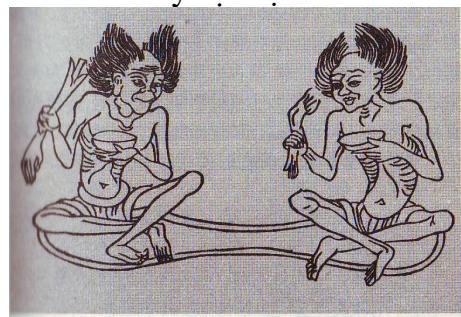
ନମାମ୍ ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

43_Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, một tay cầm vật khí chứa đầy máu, một tay cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt

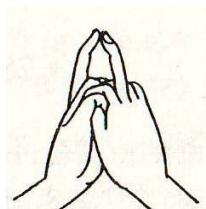


Chữ chủng tử là: PI (၂၅)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là: Tỳ Xá Già Ăn.



Chân Ngôn là:

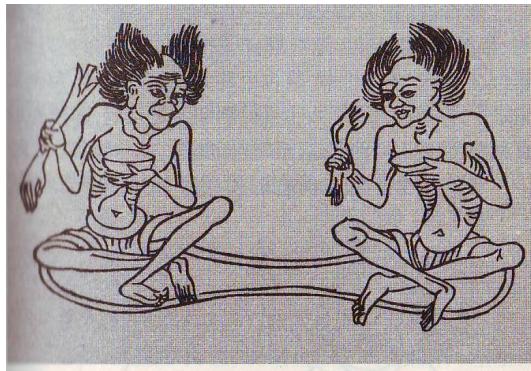
ନମଃ ସମାଂ ଦୁର୍ଗାଂ ପିଚି ପିଚି ସ୍ଵାହା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ PICI PICI_ SVÀHÀ

44_ Tỳ Xá Già (Pi'sàca):

Pi'sàca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, một tay cầm vật khí chứa đầy máu, một tay cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt

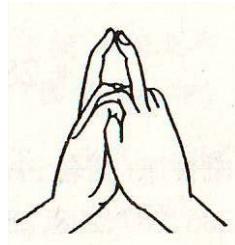


Chữ chủng tử là: PI (ପି)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ān là: Tỳ Xá Già Ān.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାଂ ଦୁର୍ଗାଂ ପିଚି ପିଚି ସ୍ଵାହା

NAMAH_ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ PICI PICI_ SVÀHÀ

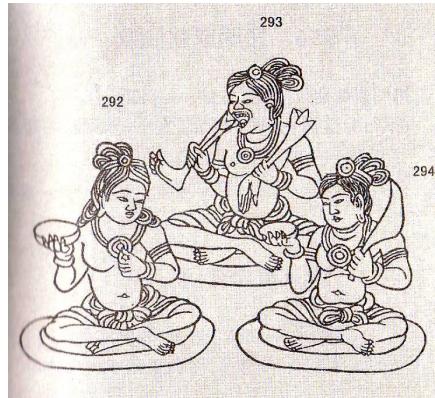
45_ Đồ Cát Ni (Dakinì):

Dakinì dịch âm là Noa Cát Trữ, Noa Chī Nê, Đồ Kỳ Ni, Đồ Chỉ Ni, Đồ Cát Nê, Đà Kỳ Ni, Tra Chỉ Ni... Dịch ý là Không Hành Mẫu.

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10 ghi nhận rằng: “Đồ Cát Ni là quyển thuộc của Đại Hắc Thiên, là một loài quỷ Dạ Xoa có sức Thần Thông, hay biết được kỳ hạn chết của con người trước 6 tháng, liền chuẩn bị trước để lấy trái tim của kẻ ấy mà ăn rồi thay thế bằng vật khác, cho đến khi người ấy mệnh chung thời bấy giờ thông báo điều hư hoại”

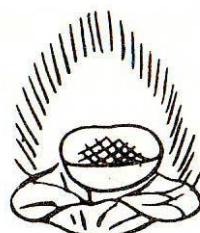
Người tu Pháp này có thể được Thần Thông, thành tựu lớn. Đức Đại Tỳ Lô Giá Na Phật vì trừ loài này cho nên dùng Pháp Môn của Giáng Phục Tam Thế hóa làm Đại Hắc Thần để thâu nhiếp khiến chúng quy mệnh Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái bát, tay trái để trước ngực (Hình 292)

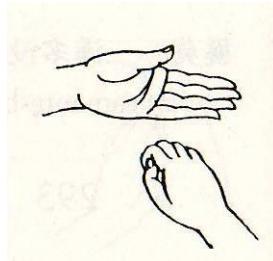


Chữ chủng tử là: DA (𩶎)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapàla:cái bát)



Tướng Ăn là: Đồ Cát Ni Ăn.



Chân Ngôn là:

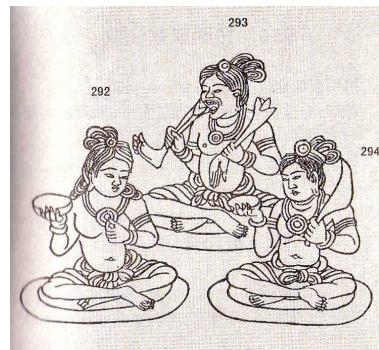
ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମଃ ହରିହରଃ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HRÌH HAH_ SVĀHĀ

46_Đồ Cát Ni (Dakinì):

Dakinì là loài quỷ Dạ Xoa

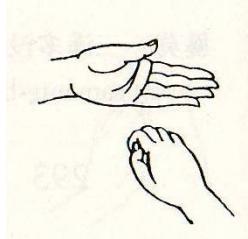
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm một đoạn chân bị chặt đứt, há miệng để ăn. Tay trái cầm cánh tay bị chặt đứt (Hình 293)



Chữ chủng tử là: DA (ᡩ)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba



Tướng Ăn là: Đồ Cát Ni Ăn.

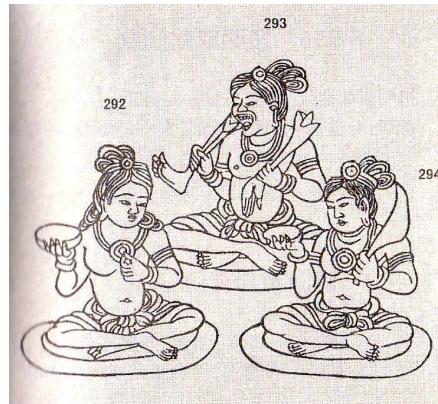


Chân Ngôn là:
ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ହରି ହାହ ସଵାହା
 NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HRÌH HAH_ SVÀHÀ

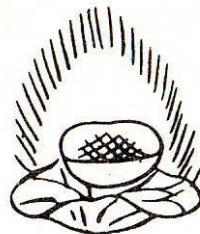
47_ Đồ Cát Ni (Dakinì):

Dakinì là loài quý Dạ Xoa

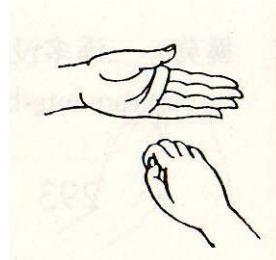
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải nâng cái bát, tay trái cầm con dao (Hình 294)



Chữ chủng tử là: DA (ᡩ)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba



Tướng Ăn là: Đồ Cát Ni Ăn.



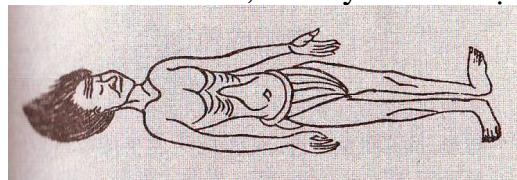
Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ଏ ଦୁଃଖ କ୍ରିଦା ପ ଶନା

NAMAH SAMANTA BUDDHANAM_ HRIM HAH_ SVAHÀ

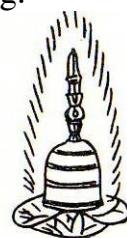
48_ Tử Quỷ (Mrtyu):

Tôn Hình: Thân màu xanh, hiện hình thây chết, nằm ngửa trước mặt 3 vị Đồ Cát Ni, nhắm mắt, tóc giận dữ chĩa lên trên, hai tay để bên cạnh thân.

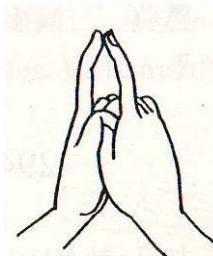


Chữ chủng tử là: MR (ମ୍ର)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ăn là: Thuỷ Thiên Ăn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ଏ ଦୁଃଖ ମୃହତ ଶନା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ MR̄TYAVE SVÀHÀ

Hay තමසමාත දහංස පිෂාචගත් සඳහා

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ PI'SÀCA GATI _ SVÀHÀ

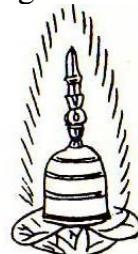
49_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (Siddha-vidya-dhara):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay trái cầm cái túi da thú, tay phải cầm cây gậy (bổng)

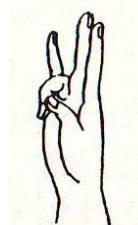


Chữ chủng tử là: SI (ශ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

තමසමාත දහංස ගුණුගුණමසන්ග්‍ර සඳහා

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU Ì_ GU I_ MAM SAMTE _
BHUTÀNÀM _ SVÀHÀ

Hay තමසමාත දහංස ගුණුගුණමසන්ග්‍ර සඳහා

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU Ì_ GU I_ MAM SANE _
SVÀHÀ

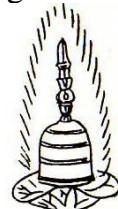
50_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (Siddha-vidya-dhara):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay trái cầm cái túi da thú



Chữ chủng tử là: SI (ສි)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ấн là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ପ୍ରତ୍ୟୋଗିତ ମନ୍ତ୍ରା ଶନ୍ତ
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU_I_GU_I_MAM SAMTE_

BHUTÀNÀM_ SVÀHÀ

Hay ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ପ୍ରତ୍ୟୋଗିତ ମନ୍ତ୍ରା ଶନ୍ତ
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU_I_GU_I_MAM SANE_

SVÀHÀ

51_Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (Siddha-vidya-dhara):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay phải cầm cái túi da thú

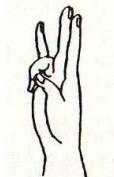


Chữ chủng tử là: SI (ສි)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ấн là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ପ୍ରତ୍ୟୋମିତା ନାମ ଶନେ
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU Ì_ GU I_ MAM SAMTE _
BHUTÀNÀM_ SVÀHÀ

Hay ନମେ ସମତ ଦୁର୍ଗା ପ୍ରତ୍ୟୋମିତା ମନେ ଶନେ
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GU Ì_ GU I_ MAM SANE _
SVÀHÀ

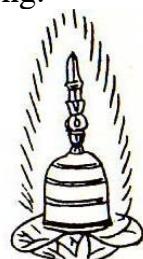
52_Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (Siddha-vidya-dhara):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay trái cầm cái túi da thú

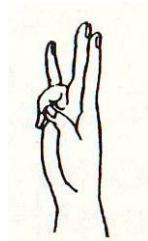


Chữ chủng tử là: SI (ସି)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



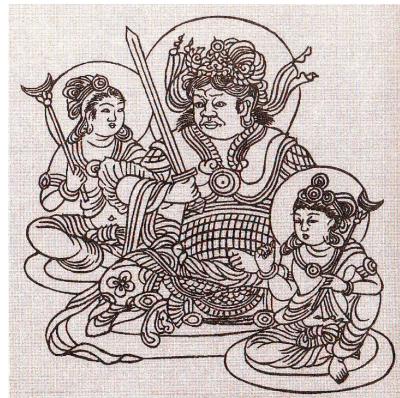
Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ତୁବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ GU ī _ GU I _ MAM SAMTE _
BHUTĀNĀM _ SVĀHĀ

Hay ନମଃସମତ୍ତୁବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ GU ī _ GU I _ MAM SANE _
SVĀHĀ

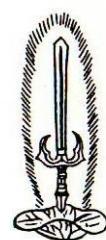
53_ Ma Ni A Tu La (Bandhirasura):

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang eo (hình ở giữa).

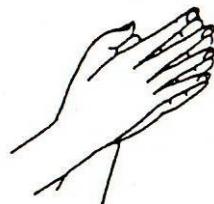


Chữ chủng tử là: BA (ବା)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धं नागं गंधर्वं असुरं गरुडं शूरं
रक्षसं महारा द्विष्टव्यं अवश्यं अवश्यं अवश्यं

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ LOKA ALOKÀ KARÀYA _
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUĐA
KIMNARA MOHÀRAGA DI_ HRDÀYA ANYA AKARŞÀYA VICITRAGATI
SVÀHÀ

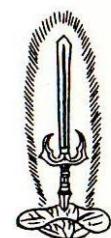
54_ Ma Ni A Tu La Quyết Thuộc (Bandhirasura-parivàra):

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm cây gậy, đầu gậy là nửa vành trăng (hình bên trái).



Chữ chủng tử là: BA (බ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng ấn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धं नागं गंधर्वं असुरं गरुडं शूरं
रक्षसं महारा द्विष्टव्यं अवश्यं अवश्यं अवश्यं

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ LOKA ALOKÀ KARÀYA _
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUĐA
KIMNARA MOHÀRAGA DI_ HRDÀYA ANYA AKARŞÀYA VICITRAGATI
SVÀHÀ

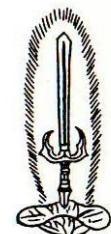
55_ Ma Ni A Tu La Quyết Thuộc (Bandhirasura-parivàra):

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây gậy, đầu gậy là nửa vành trăng (hình bên phải).



Chữ chủng tử là: BA (බ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଲୋକା କରାୟା
ଗନ୍ଧର୍ଵା ଅସୁରା ଯକ୍ଷା ଗରୁଡ଼ା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ KARĀYA _
SARVA DEVA NĀGA YAKŚA GANDHARVA ASURA GARUḌĀ
KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI
SVĀHĀ

56_A Tu La (Asura):

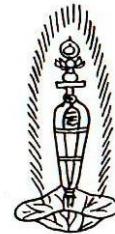
Asura là một trong 8 Bộ Trời Rồng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải đẻ trước ngực cầm cây gậy, tay trái nắm quyền đẻ cạnh eo (hình ở giữa).

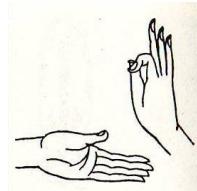


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy. Hoặc cây kích.



Tướng Án là: A Tu La Án.



Chân Ngôn là:

ឯម្មមាព ឯទន័រស សសារ រាលី ឯច្ច ឯសនុស សសារ សន
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ ASURÀ GARALAYAM_ RATAM
RAΤΑΜ DHVAM TAM PRA - A A PRA _ SVÀHÀ

Hay ឯម្មមាព ឯទន័រស រាលី សន

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM_ GARALAYAM _ SVÀHÀ

57_ A Tu La Quyến Thuộc (Asura-parivàra):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cái bát, tay trái để ngang ngực (hình bên trái).

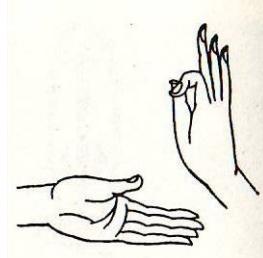


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy. Hoặc cây kích.



Tướng Án là: A Tu La Án.



Chân Ngôn là:

ឯម្មមាន ទន្លេសម្រាប់រាយ តាត ចន្ទកសម្រាប់រាយ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ASURĀ GARALAYAM_ RAṬĀM
RAṬĀM DHVAM_ TAM PRA - A A PRA _ SVĀHĀ

Hay ឯម្មមាន ទន្លេសម្រាប់រាយ សុណ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ GARALAYAM _ SVĀHĀ

58_ A Tu La Quyến Thuộc (Asura-parivāra):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kích Độc Cổ (hình bên phải).

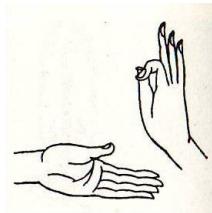


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy. Hoặc cây kích.



Tướng Ấн là: A Tu La Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମାମତ୍ସବୁଦ୍ଧାନାମାସୁରାଗରାଲୟାମାରାତମ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ASURĀ GARALAYAM_ RATAM
RATAM DHVAM TAM PRA - A A PRA _ SVĀHĀ

Hay ନମାମତ୍ସବୁଦ୍ଧାନାମାସୁରାଗରାଲୟାମା
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ GARALAYAM _ SVĀHĀ

59_ Ca Lâu La Vương (Garuda-rāja)

Garuḍa hoặc xưng là Suparṇi và gọi là Ca Lưu La, Ca Lâu La, Ca Lâu La, Kim Xí Diểu, Diệu Xí Diểu, Thực Thổ Bi Khổ Thanh.

Ca Lâu La là một loài chim lớn có tính cánh mãnh liệt trong Thần Thoại của Ấn Độ, tương truyền Ca Lâu La là vật cõi của Tỳ Tháp Nô Thiên (Viṣṇu). Hoặc có thuyết nói: Khi sinh ra thời thân có ánh sáng hách dịch, chư Thiên nhận lầm là Hỏa Thiên nên lễ bái. Trong Phật Giáo thì Tôn này là một trong Chúng của tám Bộ Trời Rồng

Y theo sự ghi chép của Phật Điển thì đôi cánh của Ca Lâu La do đan kết mọi vật báu mà thành, cho nên xưng là Kim Xí Diểu hoặc Diệu Xí Diểu. Loài chim này có thân thể rất lớn, khi giương mở hai cánh, rộng hơn ngàn dặm, thậm chí lớn đến hàng trăm vạn dặm.

Trong **Kinh Luật Dị Tướng**, quyển 49 nói: “Gió được quạt ra từ loài chim này, nếu vào mắt người thì người ấy bị mất ánh sáng (bị mù)”.

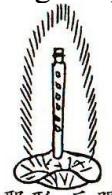
Bồ Tát Tòng Đậu Suất Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quang Phổ Kinh, quyển 7 lại ghi rằng:” Kim Xí Diểu Vương có thân dài tám ngàn do tuần, hai cánh, mỗi cánh dài bốn ngàn do tuần, dùng Rồng làm thức ăn”

Tôn Hình: Thân người đầu chim có hai cánh chim sau lưng, màu vàng ròng, hai tay cầm nắm các con Rồng.



Chữ chủng tử là: GA (ଗ)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).



Tướng Án là: **Ca Lâu La Án**, lại gọi là Kim Xí Diểu Vương Án. Hai ngón cái giao quấn nhau, giương mở hai bàn tay như thế xoải cánh, kết hình của Kim Xí Diểu, động ba lần như dạng bay.



Chân Ngôn là:
軒 朱 扔 潏 扣
OM KSIPA SVÀHÀ

Hay 軒 𩎤 潏 扣
OM PAKṢA SVÀHÀ

_Bản khác dùng Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମର୍ତ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ ଅପରିହତ
ଗନ୍ଧାର କୁଣ୍ଡଳ ମକୁଣ୍ଡଳ ପାତାପକ୍ଷ ମଦ ପରାନାକ ଯତ ଯତ
ଯତ ସମୟ ମନୁଶ୍ରାନ୍ତ ତ୍ୟାଗ ଧରମା ଜ୍ଞାପଯତ ମନୁଶ୍ରାନ୍ତ ମନୁଶ୍ରାନ୍ତ
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM APRATIHATA 'SASANĀNĀM _
TADYATHĀ: OM _ 'SAKUNA MAHĀ-'SAKUNA VITAMTA-PAKṢA _
SARVA PANAGANAKA KHAKHA KHAHI KHAHI SAMAYA
MANUSMARA HŪM TIṢṬA BODHISATVO JÑĀPAYATI SVÀHÀ

60_ Ca Lâu La Nam (Garuḍa):

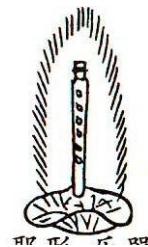
Garuḍa là một trong 8 Bộ Trời Rồng

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thân người đầu chim, trưởng cánh, thổi sáo (hình bên trái)

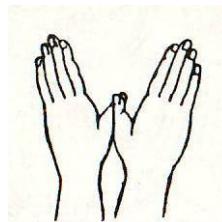


Chữ chủng tử là: GA (ग)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).



Tướng Ấн là: Ca Lâu La Ấn.



Chân Ngôn là:
軒 朱扱 涣扣
OM KṢIPA SVĀHÀ

Hay 軒 𩙎 涣扣
OM PAKṢA SVĀHÀ

61_ Ca Lâu La Nữ (Garuḍī):

Garuḍī là một trong 8 Bộ Trời Rồng

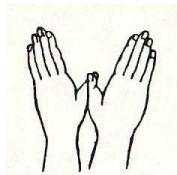
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thân người đầu chim, trương cánh, cầm vỏ ốc (Pháp Loa) nhìn ngó thổi loa (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: GA (ガ)
Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (Pháp Loa Bối:vỏ sò).



Tướng Ấn là: Ca Lâu La Ấn.



Chân Ngôn là:
転 朱 扔 潟 扣
OM KṢIPA SVĀHÀ

Hay 転 𩎤 潟 扣
OM PAKṢA SVĀHÀ

62_ Cứu Bàn Đồ (Kumṛbhaṇḍa):

Kumṛbhaṇḍa dịch âm là Câu Bàn Đồ, Cứu Bàn Đồ, Cung Bàn Đồ, Cứu Mān Noa... dịch ý là Ung Hình Quỷ, ĐÔng Qua Quỷ, Yểm My Quỷ. Là một trong hai bộc tộc Quỷ của Tăng Trưởng Thiên Vương. Đôi khi loài Cứu Bàn Trà có mình người đầu ngựa và còn gọi là Dược Thần

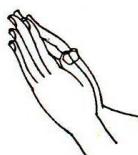
Tôn Hình: Thân màu thịt, thân người đầu ngựa, để cái trống trước bụng, hai tay đánh vỗ



Chữ chủng tử là: KU (𩎤)
Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái trống).



Tướng Ăn là: Liên Hoa Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:
ନମମାତ୍ସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ KUMBHĀNDA-PATAYE_
SVĀHÀ

63_ Cứu Bàn Đồ (Kumṛbhaṇḍa):

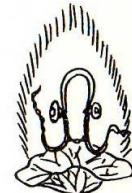
Kumṛbhaṇḍa là quyển thuộc của Tăng Trưởng Thiên Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, thân người đầu ngựa, hai tay cầm cái nạo bạt, đánh vỗ



Chữ chủng tử là: KU (ㄎ)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái nạo bạt).



Tướng Ăn là: Liên Hoa Hợp Chuồng



Chân Ngôn là:

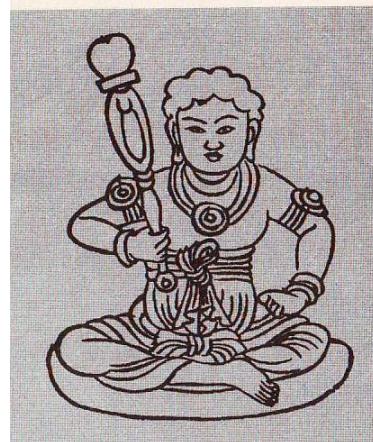
ନମମାତ୍ର ସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ KUMBHĀNDA-PATAYE_
SVĀHĀ

64_ La Sát Đèo (Rākṣasa):

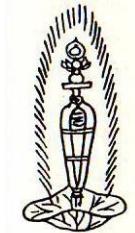
Rākṣasa là quyến thuộc của Niết Lý Đề Vương (tức La Sát Thiên)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình đồng tử.



Chữ chủng tử là: RA (ㄻ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.



Tướng Ấn là: Dao Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମତ୍ତୁ ରାକ୍ଷସା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RÀKṢASA ADHIPATAYE_
SVĀHĀ

65_ La Sát Đồng Nữ (Ràksasì):

Ràksasì là quyền thuộc của La Sát Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình đồng nữ

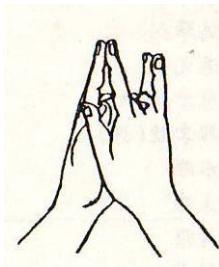


Chữ chủng tử là: RA (ର)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.



Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମେ ସମତ ବୁଦ୍ଧାନଂ ରାକ୍ଷସ ଗନିପି

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RĀKṢASI GANIPI - SVĀHĀ

24/07/2009